

TIẾP TỤC TÍCH LŨY

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Đồ uống năm 2025

Tính chung 11 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành đạt 5.822 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% yoy (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,7%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,8%.

Thị trường bia có dấu hiệu bình ổn trở lại. Nghị định 100 đã ảnh hưởng trực tiếp tới tốc độ tiêu thụ bia. Dù vậy, sức tiêu thụ sẽ cải thiện, đặc biệt là dịp lễ Tết Nguyên Đán đang tới, đồng thời nhờ thói quen sử dụng dịch vụ gọi xe/thuê lái xe dần thiết lập sau khi sử dụng đồ uống có cồn.

Giá nhôm và malt hiện đều đã hạ nhiệt đáng kể, vì vậy đây là thời điểm để các doanh nghiệp mua trước nguyên liệu với giá rẻ hơn cho giai đoạn tiếp theo.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index tăng 2,93 điểm trong phiên 02/01 kết phiên ở mức 1.269,71 điểm. Thanh khoản giảm 9,52% so với phiên giao dịch ngày 31/12. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 97 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục tích lũy trong vùng 1.260-1.275 điểm trong phiên giao dịch ngày 03/01/2025. VN-Index đã trải qua phiên giao dịch đầu năm với sắc xanh tăng nhẹ. Thanh khoản vẫn khá thấp trong phiên cùng với sự bán ròng của khối ngoại khiến tâm lý NĐT có phần thận trọng. Nhìn chung, thị trường vẫn đang trong giai đoạn trống thông tin và chờ những điểm nhấn mới về vĩ mô, cũng như số liệu báo cáo tài chính Quý 4/2024, do vậy thị trường có thể tiếp tục duy trì trạng thái trầm lắng và dao động đi ngang quanh vùng 1.260-1.275 điểm.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo	RSI 14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	55,92	46,21	1.266,59	1.266,99	1.252,96	1.262,57
Hành động	Mua	Quan sát	Mua	Quan sát	Mua	Mua

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

SAB

Khuyến nghị: **Mua**TP: **64.000 VND** | UPSIDE: **+15%**

Chiến lược hành động

MUA: NĐT tiếp tục quan sát thị trường, tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và có câu chuyện hấp dẫn hơn cho năm 2025.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.260 điểm.

Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
VN-Index		
Đóng cửa	1.269,71	0,23
KLCP (triệu CP)	428,14	-9,52
GTGD (tỷ VND)	10.752	-5,18
Khớp lệnh	8.804	-8,00
Thỏa thuận	1.948	6,77
HNX-Index		
Đóng cửa	227,69	0,11
KLCP (triệu CP)	36,09	-10,74
GTGD (tỷ VND)	625,5	-46,05
UPCoM		
Đóng cửa	95,05	-0,01
KLCP (triệu CP)	44,32	0,14
GTGD (tỷ VND)	654,1	-24,40

Diễn biến TTCK Mỹ: Chỉ số Dow kết thúc ngày giảm hơn 150 điểm, tương đương khoảng 0,4%. S&P 500 và Nasdaq đều giảm khoảng 0,2%. Cả ba chỉ số đều tăng vào đầu ngày, với Dow tăng hơn 300 điểm tại một thời điểm, nhưng giảm trở lại khi phiên giao dịch diễn ra.

Thế giới: Các vụ sáp nhập doanh nghiệp tại Thái Lan bùng nổ trong năm 2024. Ủy ban cạnh tranh thương mại Thái Lan (TCCT) ngày 1/1 cho biết trong năm ngoái, các vụ sáp nhập doanh nghiệp tại Thái Lan tăng vọt, đạt giá trị lên 590 tỷ baht (17,2 tỷ USD), cao gần gấp 3 lần giá trị ghi nhận năm 2023, với các lĩnh vực vận tải, y tế và bảo hiểm dẫn đầu tăng trưởng. Báo cáo của TCCT cho biết trong năm 2024, ngành vận tải và logistics chiếm giá trị sáp nhập cao nhất ở mức 180 tỷ baht, tiếp theo là ngành y tế (120 tỷ baht) và ngành bảo hiểm (88 tỷ baht). Tổng thư ký TCCT Wissanu Wongsinsirikul cho rằng sự tăng trưởng này là do cạnh tranh gay gắt thúc đẩy mở rộng kinh doanh và dự kiến hoạt động sáp nhập sẽ tiếp tục tăng trong năm nay.

Việt Nam: Năm 2025, mục tiêu tăng trưởng kinh tế được Quốc hội giao cho Chính phủ 6,5–7%, phấn đấu 7,5%. Tuy nhiên, một số tổ chức quốc tế và giới chuyên gia chỉ ra những thách thức nền kinh tế phải đối mặt. Các thách thức cần phải được hóa giải từ nội lực mới có thể thúc đẩy tăng trưởng GDP năm 2025 đạt kế hoạch, hướng đến mốc 8% như tại Công điện 137/CP-TTg về việc thúc đẩy tăng trưởng năm 2025 mà Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh. Với đầu tư công, năm 2025, kế hoạch vốn được Chính phủ dự kiến ở mức 791.000 tỷ đồng, tăng 12,4% so với nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024. Trước đó, tăng trưởng GDP 3 năm 2021–2023 khá thấp, lần lượt là 2,58%, 8,02% và 5,05% do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Giải ngân đầu tư công khá chậm trong năm 2024 do tác động không tích cực của lạm phát và tỷ giá. Vì vậy, dư địa để thúc đẩy đầu tư công trong năm 2025 vẫn còn nhiều. Diễn hình ở khu vực phía Nam với một số dự án tiêu biểu được thực hiện 2025, như Sân bay quốc tế Long Thành, đường Vành đai số 4.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.457.

Thép: Ngày 2/1, thị trường thép trong nước giữ nguyên giá bán; quặng sắt phục hồi nhờ biên lợi nhuận thép cải thiện. Dữ liệu từ Công ty tư vấn Mysteel cho thấy 49,78% các nhà sản xuất thép được khảo sát đang hoạt động có lãi tính đến ngày 26/12, tăng so với mức 48,48% trong tuần trước. Các thành phần sản xuất thép khác trên DCE đã tăng, với than cốc tăng lần lượt 1,58% và 0,78%..

ACV & HVN: Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (mã ACV) đặt mục tiêu tổng doanh thu năm 2025 đạt 21.782 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế ở mức 10.713 tỷ đồng. Năm 2024, ACV ước đạt tổng doanh thu là 21.466 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế đạt 11.981 tỷ đồng, tăng 35%. Có thể thấy, năm 2025, công ty đặt mục tiêu doanh thu tăng nhẹ nhưng lợi nhuận lại "đi lùi". Trong khi đó, Vietnam Airlines (mã HVN) ước đạt doanh thu hợp nhất 114.741 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 23% so với năm trước. Đặc biệt, hãng ghi nhận lợi nhuận trước thuế 7.324 tỷ đồng - mức cao nhất trong lịch sử và đánh dấu sự chấm dứt của 4 năm thua lỗ liên tiếp. Dù vậy, hãng bay vẫn đặt mục tiêu thận trọng trong năm 2025 với kế hoạch doanh thu 95.600 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 2.176 tỷ đồng, giảm lần lượt 17% và 70% so với ước tính năm 2024. Hãng dự kiến vận chuyển 25,4 triệu lượt khách và 336.300 tấn hàng hóa.

PVT, PVS & PVD: Một số doanh nghiệp trong nhóm dầu khí đã lên kế hoạch kinh doanh trong năm mới. Đó là CTCP Vận tải Dầu khí (mã PVT) đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất 10.300 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.200 tỷ đồng, giảm lần lượt 14% và 33% so với ước tính năm 2024. Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (mã PVS) lên kế hoạch doanh thu đạt 22.500 tỷ đồng - tăng 40% so với kế hoạch 2024. Năm 2024, công ty ước đạt doanh thu hợp nhất khoảng 24.000 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất khoảng 1.100 tỷ đồng. Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (mã PVD) đặt mục tiêu doanh thu năm 2025 đạt 7.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 530 tỷ đồng, lần lượt giảm 20% và 16% so với ước tính năm 2024.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.868,55	-0,22	-
DJIA	42.392,27	-0,36	-
Nasdaq	19.280,79	-0,16	-
Shanghai	3.262,56	-2,66	-
Hang Seng	19.623,32	-2,18	-

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.658,17	1,29	-
Dầu WTI	73,13	1,96	-
Dầu Brent	75,90	1,69	-
Than	125,25	-	-
Đồng	3,9906	0,22	-
Quặng sắt	103,61	-	-
Thép	447,23	-0,86	-

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	109,29	0,77	-
USD/JPY	157,48	0,08	-
USD/CNY	7,3407	0,04	-
EUR/USD	1,0264	-0,91	-
GBP/USD	1,2379	-1,12	-

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
YEG	146,79	18,30	-1,61
VGC	137,64	47,00	4,56
VTP	257,91	144,00	5,19
TLG	35,40	63,40	-3,79
TRC	17,59	52,00	-3,35

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
FPT	480,04	152,00	-0,33
HPG	402,72	27,00	1,31
MBB	314,09	25,20	0,40
HDB	311,68	25,10	-1,57
VTP	257,91	144,00	5,19

SAB

(HOSE)

Khuyến nghị

Giá hiện tại (02/01/2025)

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng trưởng

Vùng mua

Ngưỡng cắt lỗ

Mua

55.600

64.000

15%–16%

55.000–55.500

<52.600

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T đầu năm 2024, SAB ghi nhận doanh thu đạt 22.940 tỷ đồng, tăng 4,6% yoy, lợi nhuận sau thuế đạt 3.504 tỷ đồng, tăng 6,6% yoy. Qua đó, hoàn thành lần lượt 67% KH doanh thu và 77% kế hoạch lợi nhuận năm.

Tài chính vững mạnh: Tính đến ngày 30/9/2024, tổng tài sản của Sabeco đạt hơn 32.234 tỷ đồng, trong đó tiền mặt và các khoản tương đương tiền lên tới 20.800 tỷ đồng. Công ty còn hơn 1.600 tỷ đồng tiền gửi dài hạn và LNST chưa phân phối đạt hơn 10.900 tỷ đồng. Tổng vốn chủ sở hữu của Sabeco đạt 26.222 tỷ đồng, trong khi tổng nợ phải trả chỉ hơn 6.012 tỷ đồng, chiếm chưa đến 23% so với vốn chủ sở hữu, giúp công ty có khả năng tự chủ trong chi tiêu và trả cổ tức bằng tiền mặt hấp dẫn.

Quy mô lớn thứ 2 cả nước: với công suất thiết kế hiện đạt 2,4 tỷ lít/năm tương đương đáp ứng khoảng 57% nhu cầu tiêu thụ bia trong nước hiện nay. Tính đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp có 26 nhà máy sản xuất trải dài từ Bắc vào Nam giúp thuận tiện cho việc phân phối sản phẩm ở cả 3 miền

Hoàn tất thương vụ “Thâu tóm” Bia Sài Gòn Bình Tây: Kết thúc ngày chào mua 25/12/2024, Sabeco đã chào mua công khai thành công hơn 37,8 triệu cổ phiếu SBB với giá chào mua 22.000 đồng/cổ phiếu. Sau giao dịch, Sabeco nâng tỷ lệ sở hữu lên gần 52,2 triệu cổ phiếu SBB, tương đương 59,6% vốn và trở thành công ty mẹ của Bia Sài Gòn Bình Tây. Thương vụ này giúp SAB ngày càng mở rộng thị phần cũng như giảm bớt khả năng cạnh tranh, tạo lợi thế về giá và sản phẩm.

Khai trương Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Ngành bia SABECO (SRC) vào cuối năm 2024, đánh dấu bước tiến mới của SAB trong hành trình hướng đến mục tiêu làm chủ hoàn toàn công nghệ và tạo ra nhiều sản phẩm mới chất lượng đẳng cấp, góp phần khẳng định mạnh mẽ giá trị thương hiệu Việt trên trường quốc tế.

Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Thực phẩm và đồ uống
Biến động giá 1Y	48.540–64.790
KLGBQ 10D (CP)	610.660
Vốn hóa (tỷ đồng)	71.182,21
BVPS	19.443
P/E (lần)	16,51
P/B (lần)	2,85
EPS (VND)	3.361,48
SL CPLH (triệu CP)	1.282,56
Tỷ lệ free–float (%)	11,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	60,74
ROA (%)	13,01
ROE (%)	17,56

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

SAB đang tích cực giữ các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI tiến về vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua phù hợp.



Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Đi ngang
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI14	56,06	Mua
MFI	40,94	Quan sát
MA10	55,40	Mua
MA20	55,46	Mua
MA50	54,45	Mua
MA100	54,65	Mua

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
-----	-------------	--------	----------	----------	---------	--------------	------------	----------	---------	-------

Danh mục theo dõi

1	GAS	Theo dõi	67,7–68,2			77.000	65.000			
2	VPB	Theo dõi	18,8–19,2			22.200	18.000			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	DGC	Nắm giữ	106–108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000			8,6%
2	VHC	Nắm giữ	72,6–73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400			0,9%
3	HPG	Nắm giữ	25,6–26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			3,8%
4	KBC	Nắm giữ	27,1–27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			-0,4%
5	CTD	Nắm giữ	64,8–66,0	03/12/2024	65.500	75.000	62.100			6,3%
6	PNJ	Nắm giữ	92,8–93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600			4,7%
7	PAN	Nắm giữ	22,2–22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			6,0%
8	DBC	Nắm giữ	26,6–27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500			5,6%
9	REE	Nắm giữ	65,0–66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300			1,5%
10	IDC	Nắm giữ	55,6–56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100			-0,4%
11	VGC	Nắm giữ	43,0–44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500			6,8%
12	MWG	Nắm giữ	60,0–61,0	25/12/2024	61.300	80.000	57.500			-1,1%
13	MSB	Nắm giữ	11,2–11,5	25/12/2024	11.300	13.000	10.850			2,2%
14	BCM	Nắm giữ	67,5–69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900			2,9%
15	HAG	Nắm giữ	11,8–12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			4,2%
16	CTR	Nắm giữ	122–125,5	30/12/2024	122.000	145.000	117.700			2,9%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	POW	Chốt lời	11,2–11,5	21/11/2024	11.300	13.000	11.000	04/12/24	12.650	11,9%
2	QNS	Chốt lời	48,6–49,0	18/11/2024	49.000	55.000	46.400	06/12/24	51.300	4,7%
3	CMG	Chốt lời	52,8–54	28/11/2024	53.800	63.800	50.700	09/12/24	58.500	8,7%
4	LPB	Chốt lời	31,2–31,7	25/10/2024	31.700	35.000	29.850	10/12/24	34.400	8,5%
5	VOS	Chốt lời	14,1–14,8	25/11/2024	14.800	17.000	13.800	10/12/24	16.300	10,1%
6	PLX	Cắt lỗ	39,2–40	03/12/2024	39.500	45.000	37.800	13/12/24	39.400	-0,3%
7	VCG	Cắt lỗ	16,8–17,2	25/11/2024	17.500	19.300	16.100	24/12/24	17.350	-0,9%
8	NTP	Chốt lời	60,3–62,6	05/12/2024	62.700	72.000	58.400	25/12/24	66.900	6,7%
9	DRC	Chốt lời	28,1–28,7	11/12/2024	28.600	32.500	27.000	25/12/24	30.350	6,1%
10	BFC	Chốt lời	38–38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500	25/12/24	41.650	9,6%
11	HAX	Chốt lời	15,9–16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400	25/12/24	17.750	8,6%
12	DDV	Chốt lời	19,0–19,8	23/12/2024	19.900	23.000	18.400	25/12/24	21.000	5,5%
13	PVT	Chốt lời	27,2–27,6	20/12/2024	27.600	32.300	26.000	26/12/24	28.300	2,5%
14	TNG	Chốt lời	24,7–25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700	27/12/24	26.300	5,6%
15	DHC	Chốt lời	35,0–35,6	23/12/2024	36.000	40.000	33.500	30/12/24	38.350	6,5%
16	MSN	Cắt lỗ	70,4–71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400	31/12/24	70.800	-0,7%
17	PDR	Chốt lời	20,6–21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800	31/12/24	20.950	5,3%
18	CTG	Chốt lời	33,2–33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900	31/12/24	38.700	15,2%
19	VNM	Cắt lỗ	63,3–64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500	31/12/24	63.800	-0,9%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.